

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Luật Doanh nghiệp; Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh;

- Căn cứ Quy định số 10-QĐi/TW ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Quy định số 58-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng; Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở;

- Căn cứ Quy định số 42-QĐ/TW ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy;

- Căn cứ Quy định số 146-QĐ/TW ngày 14/5/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mối quan hệ công tác của đảng đoàn, ban cán sự đảng cấp tỉnh;

- Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21/02/2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

- Căn cứ Quy chế làm việc số 09-QC/TU ngày 11/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang khoá XVII, nhiệm kỳ 2020-2025; Quyết định số 914-QĐ/TU ngày 11/10/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Bảng danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị tỉnh Tuyên Quang và các quy định hiện hành,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử; tái cử, chỉ định, điều động và biệt phái cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp (*gọi chung là cán bộ*) trong hệ thống chính trị của tỉnh.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Tiếp tục cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết của Đảng; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ của hệ thống chính trị của tỉnh; đánh giá cán bộ khách quan, công tâm; lựa chọn và bố trí đúng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu quả công tác quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị của tỉnh, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

1.1. Thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định của Trung ương về công tác cán bộ, đề ra các quy định cụ thể về công tác cán bộ ở địa phương và lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện thông qua các cấp ủy, tổ

chức đảng, cán bộ, đảng viên trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh.

1.2. Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh trên mọi lĩnh vực; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp ủy, tổ chức đảng.

1.3. Phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp ủy, tổ chức đảng; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp.

2. Bảo đảm thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ:

2.1. Những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức vụ, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật cán bộ phải do cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Bí thư cấp ủy, bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện các quyết định của tập thể về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách.

2.3. Cán bộ, đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, kết luận, quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị; cấp ủy cấp dưới phải chấp hành nghị quyết, kết luận, quyết định, quy định của cấp ủy cấp trên về cán bộ và công tác cán bộ.

3. Tất cả những nội dung về cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì các cấp ủy, tổ chức đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải lập đầy đủ thủ tục, hồ sơ gửi Thường trực Tỉnh ủy để xem xét quyết định hoặc trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo phân cấp quản lý cán bộ (*đồng gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thẩm định*).

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 4. Nội dung quản lý cán bộ

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.

3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ.

5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.

7. Kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

9. Các nội dung khác không quy định tại quy định này thì thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và trực tiếp quyết định một số khâu trong nội dung quản lý cán bộ đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cơ quan, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; đồng thời phân công, phân cấp cho các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu quản lý, trực tiếp quyết định một số khâu khác và những chức danh cán bộ khác.

2. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về phạm vi được phân cấp, ủy quyền trong quản lý cán bộ.

3. Trong trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất xem xét, quyết định.

4. Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương về công tác cán bộ và cán bộ tại địa phương.

2. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về nhân sự tại chỗ ứng cử các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; nhân sự chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giới thiệu bầu Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Căn cứ quy định của Trung ương, quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; điều chỉnh cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy ngoài cơ cấu cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

4. Bầu Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra (Ủy viên Ủy ban Kiểm tra), Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

5. Giới thiệu nhân sự ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

6. Giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Tham gia ý kiến đối với nhân sự giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

1. Chuẩn bị và trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trưởng, phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách của tỉnh; bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân huyện, thành phố; chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cấp trưởng và cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh; quyết định phê duyệt quy hoạch chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra và các chức danh khác thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

4. Chuẩn bị nhân sự để Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giới thiệu Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng công tác tại địa phương. Cho ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về các địa phương, cơ quan, đơn vị và việc xét phong, thăng quân hàm cấp tướng (nếu có) khi có yêu cầu của Trung ương.

6. Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, quyết định phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh (nơi không có đảng đoàn, ban cán sự đảng).

7. Giới thiệu đề bầu bổ sung ủy viên ban thường vụ, chỉ định bí thư hoặc giao quyền, giao phụ trách bí thư các đảng bộ trực thuộc tỉnh; cho ý kiến đề cấp có thẩm quyền giao phụ trách, giao quyền, giao điều hành hoạt động chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hoặc đối với cấp trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; khi cần thiết có quyền chỉ định đích danh đảng viên là cấp ủy viên cấp trên hoặc điều động đảng viên từ đảng bộ khác chỉ định tham gia cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và giữ các chức vụ phó bí thư, bí thư cấp ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới.

8. Chỉ định bí thư, phó bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng các cơ quan, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

9. Phê duyệt phương án nhân sự đại hội; cho ý kiến về đề án và nhân sự đại hội đại biểu các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

10. Chủ trì trao đổi với Đảng đoàn Quốc hội về nhân sự Trưởng, Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương.

11. Tham gia ý kiến với đảng đoàn, ban cán sự đảng, cấp ủy các cơ quan Trung ương, các cơ quan ngành dọc về đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật đối với cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc công tác và sinh hoạt tại địa phương; Ban Thường vụ Đảng ủy Quân khu II về nhân sự Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương về nhân sự Giám đốc, Phó Giám đốc Công an tỉnh.

Cho ý kiến về nhân sự trưởng cơ quan công an, quân sự cấp huyện, thành phố theo đề nghị của Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh.

12. Xem xét, quyết định công nhận đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 và người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

13. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trong phạm vi phụ trách.

14. Nhận xét, đánh giá, thẩm định về tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu điểm, khuyết điểm của cán bộ và ý kiến đề xuất đối với các chức danh quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

15. Cho ý kiến giải quyết các khiếu nại, tố cáo; việc khởi tố đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

16. Kết luận đối với cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề về chính trị cần xem xét theo quy định.

17. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể lãnh đạo, quản lý, cấp ủy, tổ chức đảng và cá nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hoặc chỉ đạo cấp ủy, tổ chức đảng gợi ý kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân theo thẩm quyền khi thấy cần thiết.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Tỉnh ủy

1. Chuẩn bị và trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy những vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy giải quyết một số công việc cụ thể về công tác cán bộ:

2.1. Chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; ủy ban kiểm tra (*ủy viên ủy ban kiểm tra*), chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

2.2. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

2.3. Chỉ định, bổ sung, thay thế thành viên đảng đoàn, ban cán sự đảng một số cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội cấp tỉnh (*trừ chức danh bí thư, phó bí thư đảng đoàn, ban cán sự đảng*).

2.4. Chỉ đạo cán bộ kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2.5. Quyết định việc thực hiện chế độ và chính sách tiền lương; việc đào tạo, bồi dưỡng, công tác ở trong nước và nước ngoài đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2.6. Thực hiện công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ; tổ chức tang lễ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định.

2.7. Cho ý kiến về đề nghị xét tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các loại huân chương, huy chương, các danh hiệu vinh dự Nhà nước đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trước khi trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2.8. Cho chủ trương kiện toàn bộ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, biệt phái, nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến.

Cho ý kiến để thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác ở cơ quan Đảng cấp tỉnh theo quy định.

2.9. Chỉ đạo tổ chức tuyển chọn đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2.10. Giới thiệu nhân sự tham gia ban chỉ đạo, ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban hội đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội ở Trung ương.

2.11. Quyết định thẩm tra những cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi có vấn đề phải xem xét về lịch sử chính trị và chính trị hiện nay theo quy định của Bộ Chính trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (*bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập...*) để đưa ra Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, kết luận.

2.12. Quyết định tặng Huy hiệu Đảng cho đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng.

2.13. Thực hiện các nội dung trong công tác cán bộ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền tại Phần II, Phụ lục I kèm theo Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và lãnh đạo công tác kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương, chính sách, quy chế, quyết định, quy định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách. Cho chủ trương, quan điểm xử lý kỷ luật đảng viên là cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý tại Phần III, Phụ lục I kèm theo Quy định này. Trên cơ sở đó, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh ra quyết định.

3. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ở các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh. Trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện.

4. Cho ý kiến việc nâng ngạch, xếp lương, nâng bậc lương (*kể cả nâng lương trước thời hạn*), phụ cấp thâm niên vượt khung và các phụ cấp khác theo quy định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và chuyên viên chính trở lên đang công tác ở các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh (*trừ những chức danh hoặc phần việc do cấp trên quyết định hoặc quy định*). Trên cơ sở đó, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ra quyết định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh ra quyết định đối với cán bộ được phân cấp quản lý tại mục 1, Phần III, Phụ lục I kèm theo Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và lãnh đạo công tác kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Đảng, Chính phủ và của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách. Cho chủ trương, quan điểm xử lý kỷ luật đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ,

chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý tại Phần IV, Phụ lục I kèm theo Quy định này (*trừ các đối tượng theo quy định tại Khoản 3, Điều này*). Trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định.

3. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công công tác, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và các chức danh cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy giải quyết công tác trong các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Trên cơ sở nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định.

4. Cho ý kiến việc nâng ngạch, xếp lương, nâng bậc lương (*kể cả nâng lương trước thời hạn*), phụ cấp thâm niên vượt khung, các phụ cấp khác và chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và đối với chức danh cán bộ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và lãnh đạo công tác kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi phụ trách. Cho chủ trương, quan điểm xử lý kỷ luật đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý tại Phần V, Phụ lục I kèm theo Quy định này.

3. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ của tổ chức mình thuộc quyền trực tiếp quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của ban cán sự đảng các cơ quan cấp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và lãnh đạo công tác kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách. Cho chủ trương, quan điểm xử lý kỷ luật đảng viên là cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

2. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý tại Phần VI, Phụ lục I kèm theo Quy định này. Trên cơ sở đó thủ trưởng cơ quan ra quyết định.

3. Kiến nghị, đề xuất về tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của cấp trên.

4. Chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy trong việc đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp trưởng, cấp phó thuộc ngành dọc công tác trên địa bàn huyện, thành phố. Phân tích thảo luận những ý kiến khác nhau, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan cấp tỉnh không thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng (gồm cả các cơ quan thuộc khối Đảng tỉnh)

1. Đồng chí đảng viên là thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cấp ủy cơ sở đảng (*noi sinh hoạt*) để lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; kiến nghị với Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác cán bộ của cơ quan, đơn vị mình; quản lý toàn diện đội ngũ cán bộ được phân cấp tại Phần VII, Phụ lục I kèm theo Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy trong việc đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng... đối với cán bộ thuộc ngành dọc quản lý công tác trên địa bàn huyện, thành phố.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh

1. Chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận, quyết định của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương, đơn vị.

2. Trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhân sự giới thiệu ứng cử hoặc nhân sự được đề nghị chỉ định vào các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý: Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

3. Căn cứ vào quy định của Trung ương và của Tỉnh ủy, quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

4. Bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư (đối với đảng ủy quân sự huyện, thành phố thực hiện đồng chí bí thư cấp ủy địa phương trực tiếp làm bí thư đảng ủy quân sự cùng cấp theo quy định của Điều lệ Đảng), phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

5. Giới thiệu nhân sự chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố để hội đồng nhân dân huyện, thành phố bầu; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố trước khi ban thường vụ huyện ủy, thành ủy quyết định giới thiệu để hội đồng nhân dân huyện, thành phố bầu.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

1. Quyết định phân công công tác các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố, Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Công an tỉnh, Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

2. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí bí thư và thường trực huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; ban thường vụ thảo luận và quyết định:

2.1. Tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động,

luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ được phân cấp quản lý tại Phần VIII và Phần IX, Phụ lục I kèm theo Quy định này (*đối với ban thường vụ huyện ủy, thành ủy theo Phần VIII, Phụ lục I kèm theo Quy định này; đối với Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh theo Phần IX, Phụ lục I kèm theo Quy định này*).

2.2. Chuẩn bị nhân sự để ban chấp hành đảng bộ xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý của các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

2.3. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nhận xét, đánh giá, bố trí, phân công công tác, bổ nhiệm, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại địa phương, đơn vị.

3. Quyết định phê duyệt quy hoạch ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố, các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và các chức danh cán bộ diện ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý.

4. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đảng bộ.

5. Quyết định việc phân cấp quản lý cán bộ thuộc diện ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quản lý (*trừ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*).

6. Chuẩn y ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư; chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở trực thuộc; bí thư, phó bí thư, chi ủy viên các chi bộ cơ sở trực thuộc. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, chỉ định hoặc giới thiệu bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng ủy cơ sở trực thuộc; bí thư, phó bí thư, chi ủy viên các chi bộ cơ sở trực thuộc.

7. Ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy tham gia ý kiến với đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh về bố trí, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo của tổ chức theo ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại địa phương. Tham gia ý kiến với Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh về bố trí, bổ nhiệm trưởng, phó ban chỉ huy quân sự huyện, thành phố; trưởng, phó công an huyện, thành phố.

8. Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy về trưởng, phó ban chỉ huy quân sự huyện, thành phố; trưởng, phó công an huyện, thành phố. Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Công

an tình phân tích, thảo luận những ý kiến khác nhau, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thực hiện quy trình chỉ định tham gia ban chấp hành, ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đồng thời với điều động, luân chuyển, bổ nhiệm trưởng cơ quan quân sự, công an huyện, thành phố theo quy định của Bộ Chính trị.

9. Khi cần thiết, ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy ủy quyền cho thường trực huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, ban tổ chức huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy giải quyết từng công việc cụ thể về công tác cán bộ theo nghị quyết của ban thường vụ huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

10. Khi có yêu cầu của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các ban đảng Tỉnh ủy có liên quan thẩm định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm đối với cán bộ công tác và sinh hoạt đảng trong Đảng bộ khối.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy về đường lối, chủ trương, chính sách cán bộ và công tác cán bộ; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương Đảng về công tác cán bộ và cán bộ ở địa phương.

2. Tổng hợp, theo dõi tình hình đội ngũ cán bộ của Đảng bộ tỉnh, trực tiếp là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy các vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan thẩm định, thẩm tra, rà soát, xác minh thông tin liên quan đến nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tổng hợp, đề xuất trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

5. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ, lý lịch cán bộ lãnh đạo, quản lý (*cả đương chức và nghỉ hưu*) thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện công tác cán bộ và cán bộ định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

7. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; xây dựng và hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

8. Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, chủ động phối hợp với các địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

9. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền giải quyết một số vấn đề cụ thể về công tác cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy

1. Kiến nghị, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy công tác tại cơ quan, đơn vị.

2. Tham gia ý kiến, thẩm định nhân sự quy hoạch, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trong phạm vi, lĩnh vực được phân công phụ trách khi có yêu cầu (*đối với các chức danh cán bộ nêu tại Phần I và Phần II, Phụ lục I kèm theo Quy định này*).

3. Kiểm tra, giám sát cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị cấp dưới trực thuộc và đề xuất, kiến nghị Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét những vấn đề về công tác cán bộ và cán bộ (*nếu có*). Phối hợp với Ban Tổ chức

Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác cán bộ và cán bộ của các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị khi có yêu cầu.

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xử lý kỷ luật cán bộ hoặc đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định của Điều lệ Đảng, Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định các nội dung liên quan đến nhân sự nêu tại Khoản 2, Điều này.

Đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến để Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý quy định tại Mục 1, Phần I, Phụ lục I kèm theo Quy định này. Trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kỷ luật cán bộ.

Điều 18. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan giúp Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo cơ quan cấp tỉnh (nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng), huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy về công tác cán bộ

1. Sở Nội vụ là cơ quan giúp Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về cán bộ và công tác cán bộ, có nhiệm vụ:

1.1. Tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; cán bộ dự nguồn quy hoạch kế cận các chức danh cán bộ thuộc Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

1.2. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

1.3. Thẩm định và trình Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.4. Thực hiện các nhiệm vụ về công tác cán bộ theo phân cấp của Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.5. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cấp ủy các huyện, thành phố có liên quan trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về nhân sự diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, lãnh đạo các cơ quan cấp tỉnh (*nơi không thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng*) sử dụng bộ máy tổ chức cán bộ của cơ quan mình để giúp việc về công tác cán bộ theo phân cấp.

3. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy sử dụng bộ máy ban (*phòng*) tổ chức cấp mình để giúp việc về công tác cán bộ theo phân cấp.

Điều 19. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc đã nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý

Cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (*trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý*) phải được Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về những vấn đề sau:

1.1. Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; người đứng đầu hội và các tổ chức (*không bao gồm trường ban vận động thành lập hội, tổ chức*); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (*hội đồng quản trị*), giám đốc (*tổng giám đốc*) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (*FDI*).

1.2. Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

1.3. Đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài và các tổ chức quốc tế tặng (thực hiện theo quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang).

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh sau:

Các đồng chí nguyên là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, giám đốc sở, trưởng ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương, bí thư huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

2.2. Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến đối với các chức danh:

Các đồng chí nguyên là phó sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; phó bí thư huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*không là Tỉnh ủy viên*).

3. Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy cụ thể hoá nội dung, phân cấp quản lý đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (ngoài các chức danh đã nêu tại Điểm 2.1, 2.2, Khoản 2, Điều này), cán bộ diện cấp mình quản lý sau khi nghỉ hưu và cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị khác nghỉ hưu cư trú trên địa bàn huyện, thành phố cho phù hợp.

Chương III

BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 20. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

4. Cán bộ, đảng viên đang trong thời gian bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, giải quyết tố cáo và bị điều tra thì chưa thực hiện quy hoạch, ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại khi đã đến thời hạn bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, thi nâng ngạch, bậc, phong, thăng quân hàm, nâng lương, phong tặng danh hiệu, khen thưởng, từ chức hoặc thôi việc.

Điều 21. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, chỉ định, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cá nhân, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình, cụ thể:

3.1. Cá nhân, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu điểm, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

3.2. Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

3.3. Tập thể quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và chỉ định, giới thiệu cán bộ ứng cử: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và chỉ định, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 22. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Có kinh nghiệm thực tiễn, thời gian công tác phù hợp:

a) Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác có đơn vị cấu thành: Bảo đảm đã kinh qua chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị cấu thành; thời gian giữ chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm hoặc chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm tối thiểu là 02 năm (24 tháng), nếu không liên tục thì được cộng dồn (chỉ cộng dồn đối với thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương);

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác không có đơn vị cấu thành: Bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định.

b) Trường hợp bổ nhiệm nhân sự từ nguồn bên ngoài

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác không có đơn vị cấu thành: Bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định;

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác có đơn vị cấu thành và dự kiến bổ nhiệm tại cơ quan, tổ chức không có đơn vị cấu thành: Bảo đảm thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều này;

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác có đơn vị cấu thành và dự kiến bổ nhiệm tại cơ quan, tổ chức có đơn vị cấu thành: Bảo đảm thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm theo quy

định tại Điểm a, Khoản 3, Điều này hoặc bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định;

c) Trường hợp trước khi bổ nhiệm đã có thời gian giữ chức vụ, chức danh được xác định là chức vụ, chức danh bằng, tương đương hoặc cao hơn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm thì thời gian đó được tính vào thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương để cộng dồn; không áp dụng đối với trường hợp bị cách chức, giáng chức.

Trường hợp bổ nhiệm lần đầu tại cơ quan, tổ chức có đơn vị cấu thành mà trước đó đã có thời gian công tác tại đơn vị cấu thành thì thời gian công tác tại đơn vị cấu thành được tính vào thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực, bảo đảm tổng thời gian công tác không thấp hơn tổng thời gian tối thiểu giữ các chức vụ, chức danh dưới chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm.

d) Trường hợp đặc biệt (*về độ tuổi, kinh nghiệm thực tiễn, bổ nhiệm vượt cấp, quy hoạch*) do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Đối với việc bổ nhiệm sĩ quan trong lực lượng vũ trang theo quy định của ngành dọc cấp trên.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh.

5. Độ tuổi: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý (*cao hơn*) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn một nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

7. Cán bộ bị kỷ luật thì không phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian như sau (*tính từ ngày ký quyết định kỷ luật*):

- 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách.
- 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo.
- 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

Điều 23. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 5 năm (*60 tháng*) đối với cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ của tổ chức đó.

Điều 24. Thủ tục bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, ban thường vụ hoặc ban chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (*sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo*) thực hiện các công việc sau:

1. Trình Thường trực Tỉnh ủy (*bằng văn bản*) xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể (*đồng gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

2. Sau khi có chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy, chậm nhất trong thời gian 30 ngày làm việc, đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; lãnh đạo các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì tập thể lãnh đạo có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*đồng gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy*).

3. Đề xuất nhân sự cụ thể sau khi được cấp trên đồng ý về chủ trương.

4. Thẩm định nhân sự

4.1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị làm tờ trình bổ nhiệm, chỉ định, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thì đồng thời gửi hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, chỉ định, giới thiệu cán bộ ứng cử cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thẩm định nhân sự.

4.2. Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo quy định, Ban Tổ chức Tỉnh ủy gửi văn bản (*kèm theo bản sao hồ sơ nhân sự*) xin ý kiến thẩm định của ban cán sự đảng, đảng đoàn và các cơ quan, đơn vị liên quan đối với nhân sự.

Khi Ban Tổ chức Tỉnh ủy gửi xin ý kiến thẩm định của các cơ quan có liên quan về nhân sự thì đồng thời gửi văn bản xin ý kiến của:

- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh (*đối với nhân sự giới thiệu ứng cử giữ chức vụ: Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân huyện, thành phố*).

- Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh (*đối với nhân sự giới thiệu ứng cử giữ chức vụ: Chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố*).

4.3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu, các cơ quan chức năng xem xét, thẩm định nhân sự phải có văn bản trả lời Ban Tổ chức Tỉnh ủy. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được coi là đồng ý với

đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy biết, theo dõi nhưng không quá 15 ngày làm việc.

4.4. Không quá 10 ngày làm việc (*kể từ khi nhận được văn bản trả lời của các cơ quan, đơn vị liên quan*), Ban Tổ chức Tỉnh ủy có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định hoặc xác minh, thẩm tra (*nếu có*) và ban hành tờ trình đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

5. Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định theo chương trình công tác hoặc họp đột xuất khi cần thiết.

6. Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghị quyết, kết luận, Ban Tổ chức Tỉnh ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm để Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ký hoặc thông báo nghị quyết, kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

7. Ra quyết định bổ nhiệm và tổ chức công bố quyết định

7.1. Đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, thực hiện như sau:

- Cán bộ khối Đảng: Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp ra quyết định.

- Cán bộ khối chính quyền: Căn cứ nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo bầu cử theo luật định hoặc chỉ đạo ra quyết định bổ nhiệm theo quy định.

- Cán bộ khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Căn cứ nghị quyết, kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn lãnh đạo việc bầu cử theo Luật, Điều lệ của tổ chức mình.

- Đối với cán bộ các cơ quan ngành dọc cấp trên quản lý: Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hiệp ý, thông báo hoặc ủy quyền Ban Tổ chức Tỉnh ủy hiệp ý, thông báo để ngành dọc cấp trên xem xét ra quyết định theo thẩm quyền.

7.2. Sau khi có quyết định bổ nhiệm, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có cán bộ được bổ nhiệm tổ chức hội nghị công bố quyết định đảm bảo trang trọng, nghiêm túc, tiết kiệm.

Đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ

quan liên quan tham mưu Thường trực Tỉnh ủy việc tổ chức hội nghị công bố quyết định bổ nhiệm.

Điều 25. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Quy trình nhân sự gồm 05 bước; thành phần hội nghị ở mỗi bước quy định tại Phụ lục II kèm theo Quy định này; từng hội nghị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

1.1. Bước 1: Trên cơ sở chủ trương, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ trong quy hoạch, người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch (*gồm cả cán bộ được quy hoạch chức danh tương đương trở lên*), thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định để lấy ý kiến giới thiệu ở bước tiếp theo.

1.2. Bước 2: Căn cứ số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và danh sách nhân sự đã thông qua ở bước 1, người đứng đầu trao đổi định hướng nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử phù hợp với yêu cầu của địa phương, đơn vị để hội nghị thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín (*kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này*).

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.3. Bước 3: Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh trong số nhân sự được giới thiệu ở bước 2 hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Người nào đạt số phiếu cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo (*kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị này*). Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Trường hợp nhân sự giới thiệu ở bước này khác với nhân sự được giới thiệu ở bước 2 thì tập thể lãnh đạo họp, thảo luận, phân tích kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt, xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự để giới thiệu ở bước tiếp theo (*bằng phiếu kín*) theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Người được lựa chọn phải có số phiếu giới thiệu ít nhất 2/3 trở lên của tổng số thành viên tập thể lãnh đạo theo quy định. Trường hợp không có người đạt số phiếu ít nhất 2/3 thì không tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.4. Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến giới thiệu nhân sự theo danh sách đã được giới thiệu ở bước 3 (*kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này*).

- Thông báo danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; tóm tắt lý lịch, quá trình học tập, công tác; đánh giá, nhận xét ưu, khuyết điểm, triển vọng phát triển và dự kiến lĩnh vực phân công công tác; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.

- Ghi phiếu giới thiệu nhân sự (*có thể ký hoặc không ký tên*).

1.5. Bước 5: Trên cơ sở ý kiến đánh giá, nhận xét (*bằng văn bản*) của ban thường vụ đảng ủy (*hoặc đảng ủy cơ quan đối với những nơi không có ban thường vụ*), chi ủy (*hoặc chi bộ nơi không có chi ủy*); kết quả lấy phiếu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (*nếu có*) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự (*bằng phiếu kín*) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp giới thiệu nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân thì hội nghị tập thể lãnh đạo (*bước 5*) lấy phiếu tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân trước khi ban thường vụ cấp ủy giới thiệu để hội đồng nhân dân các cấp bầu cử hoặc trình cấp trên xem xét, giới thiệu. Sau đó tổ chức hội nghị ban thường vụ cấp ủy để thảo luận biểu quyết, quyết định giới thiệu nhân sự để hội đồng nhân dân bầu cử theo quy định hoặc trình cấp trên xem xét, giới thiệu.

Nguyên tắc lựa chọn:

- Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 2 người có số phiếu ngang nhau đạt tỷ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự để trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

1.6. Việc tổ chức lấy ý kiến của cán bộ (*bằng phiếu tín nhiệm*) do cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh nơi có nhu cầu bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chủ trì thực hiện và mời Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham gia. Nếu ở các cơ quan, đơn vị thuộc khối nhà nước, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh mời Sở Nội vụ tham gia.

2. Đối với nhân sự điều động, bổ nhiệm, chỉ định, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác

Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ngoài địa phương, cơ quan, đơn vị thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

2.1. Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

2.2. Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử (*người được giới thiệu phải đạt số phiếu trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp người được giới thiệu có số phiếu đạt tỷ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định*); lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2.3. Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (*nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ*) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Trường hợp nhân sự do cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, chỉ định, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Điều 34 của Quy định này.

Trường hợp cán bộ là Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh không công tác tại cơ quan Hội đồng nhân dân tỉnh khi kiện toàn chức danh lãnh đạo các cơ quan Hội đồng nhân dân tỉnh thì Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh đề xuất giới thiệu nhân sự thực hiện như quy trình điều động cán bộ nêu tại Khoản 1, Điều 34 của Quy định này.

4. Trường hợp bổ sung đảng đoàn, ban cán sự đảng: Đối với chức danh có cơ cấu tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng thì khi đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu

cán bộ ứng cử, đồng thời đề xuất chỉ định tham gia đảng đoàn, ban cán sự đảng theo quy định.

5. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập, tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 25, Quy định này.

Điều 26. Bổ sung các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện và cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy

1. Khi cần bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn thiếu so với số lượng mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương quy định, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chủ động làm quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định (*không phải xin chủ trương*).

Những nhân sự đã được đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành giới thiệu vào danh sách bầu cử tham gia ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị ban chấp hành ít nhất 12 tháng.

2. Đối với kiện toàn, bổ sung các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xin chủ trương và dự kiến nguồn nhân sự trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

3. Đối với nhân sự được đề nghị giới thiệu để bầu tham gia Ban Thường vụ Tỉnh ủy; bầu giữ chức Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy gửi văn bản đề nghị về Ban Tổ chức Trung ương để lấy ý kiến thẩm định của cơ quan tham mưu, giúp việc Trung ương Đảng trước khi giới thiệu để bầu theo quy định.

4. Đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý cần kiện toàn, bổ sung: Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo cơ quan ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (*đồng gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định*) xin chủ trương trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

5. Khi cần bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; bí thư, ủy viên đảng đoàn, bí thư, ủy viên ban cán sự đảng cơ quan cấp tỉnh còn thiếu so với quy định thì các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng chủ động thực hiện quy trình nhân sự và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy (*đồng gửi hồ sơ về Ban Tổ chức Tỉnh ủy thẩm định*) chuẩn y hoặc chỉ định theo quy định phân cấp quản lý cán bộ; không phải xin chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy.

Điều 27. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Cấp ủy địa phương thực hiện công tác hiệp y nhân sự khi có đề nghị của các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (*không quản lý trực tiếp*) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy địa phương theo quy định của Bộ Chính trị, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Bộ Chính trị.

Chương IV

BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 28. Nguyên tắc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phải ra thông báo thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại đối với cán bộ.

Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khỏe không đảm bảo; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

2. Đối với cán bộ đang trong thời hạn thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà không thuộc diện phải xem xét miễn nhiệm, cho từ chức theo Quy định số 41-QĐ/TW ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, thảo luận dân chủ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt về phẩm chất, năng lực, uy tín kết quả công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm và tính chất, mức độ ảnh hưởng, tác động, kết quả khắc phục hậu quả (*nếu có*),... để xem xét, cân nhắc việc

bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo thẩm quyền của mình hoặc đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ xem xét, quyết định việc giới thiệu tái cử cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

3. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 29. Điều kiện xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trở lên trong thời hạn giữ chức vụ và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Địa phương, cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

3. Đủ sức khỏe để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

Điều 30. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý đến tuổi nghỉ hưu

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Những trường hợp không đủ điều kiện bổ nhiệm lại thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến tuổi nghỉ hưu không còn đủ thời gian công tác 5 năm, như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn từ 2 năm công tác trở lên thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

- Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo (*trường hợp tập thể lãnh đạo có 02 người trở xuống thì lấy ý kiến cả cơ quan, đơn vị*) thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, biểu quyết (*bằng phiếu kín*), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

Điều 31. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu

1. Cán bộ làm báo cáo tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

2. Tập thể cán bộ chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (*bằng phiếu kín*) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (*thành phần tham dự như nêu tại Mục 4, Phụ lục II kèm theo Quy định này*).

- Việc tổ chức lấy ý kiến của cán bộ (*bằng phiếu tín nhiệm*) do cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cấp tỉnh nơi có nhu cầu bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ tái cử chủ trì thực hiện và mời Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham gia. Nếu ở các cơ quan, đơn vị thuộc khối nhà nước, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh mời Sở Nội vụ tham gia.

3. Người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và đề xuất việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

4. Tập thể lãnh đạo thảo luận, biểu quyết (*bằng phiếu kín*).

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% tổng số người được triệu tập ở các hội nghị (*nêu tại Khoản 2 và Khoản 4 của Điều này*) đồng ý thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại; trường hợp số phiếu đạt tỷ lệ 50% (*không quá bán*) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Căn cứ kết quả bỏ phiếu biểu quyết giới thiệu (*tại hội nghị nêu tại Khoản 4 của Điều này*), tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

6. Việc thẩm định trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thực hiện theo Khoản 4, Điều 24 Quy định này.

7. Hồ sơ trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý phải có đầy đủ văn bản, tài liệu như Phụ lục III kèm theo Quy định này.

8. Thủ tục kéo dài thời gian giữ chức vụ đến tuổi nghỉ hưu

8.1. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải ra thông báo thực hiện việc xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ.

8.2. Cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ, gửi cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

8.3. Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức thảo luận, xem xét, nếu cán bộ còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết bằng phiếu kín.

Nhân sự được đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải đạt tỷ lệ trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp nhân sự

đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu quyết định; đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức ra quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ.

Chương V

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 32. Mục đích, yêu cầu

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 33. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh.

2. Phạm vi: Điều động, biệt phái cán bộ giữa các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các huyện, thành phố và Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

3. Thẩm quyền

Thẩm quyền quyết định điều động, biệt phái cán bộ thực hiện theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Khi cần thiết, Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận các chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Điều 34. Quy trình điều động, biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Quy trình điều động

Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ dự kiến điều động.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động (*người được giới thiệu phải đạt số phiếu trên 50% so với tổng số người được triệu tập; trường hợp số phiếu đạt tỷ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định*); lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trường hợp cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện và đáp ứng yêu cầu điều động nhưng địa phương, cơ quan, đơn vị (*nơi cán bộ công tác hoặc nơi tiếp nhận cán bộ*) hoặc cán bộ còn có ý kiến khác nhau, chưa thống nhất thì cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ tổng hợp, báo cáo đầy đủ các ý kiến và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ vào yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái.

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động, biệt phái cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Điều 36. Chế độ, chính sách

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ được điều động, biệt phái đến làm việc ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn của tỉnh, được hưởng một số chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Tổ chức thực hiện

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy định này và quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này.

Điều 38. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy định số 09-QĐ/TU ngày 05/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (Báo cáo),
- Ban Bí thư TW Đảng (Báo cáo),
- Ban Tổ chức TW Đảng,
- Ủy ban Kiểm tra TW Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh (nơi không lập ĐĐ, BCSD),
- Các huyện ủy, thành ủy, ĐUTT Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Hà Thị Nga

Phụ lục I

**CHỨC DANH CÁN BỘ DO CẤP ỦY ĐẢNG CÁC CẤP,
ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG, BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ĐOÀN,
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quy định số 45-QĐ/TU ngày 15/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

I. Chức danh cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp quản lý và quyết định

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý toàn diện, trừ những nội dung trong quy định của cấp có thẩm quyền đang có hiệu lực thi hành *(đối với cán bộ đương chức)*:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh *(bao gồm cả Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*.

- Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

- Trưởng ban, Phó trưởng ban Đảng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; thư ký Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy.

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh; Tổng Biên tập, Phó tổng Biên tập Báo Tuyên Quang.

- Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng ban, Phó trưởng ban các ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bí thư, phó bí thư ban cán sự đảng; giám đốc, phó giám đốc sở; trưởng, phó ban, ngành cấp tỉnh và tương đương.

- Bí thư, phó bí thư đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thuộc thẩm quyền; Chủ tịch, Phó chủ tịch: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh; Bí thư, Phó bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân huyện, thành phố; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng của tỉnh, chủ tịch hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phối hợp với các cơ quan ngành dọc cấp trên quản lý *(đối với cán bộ đương chức)*:

- Giám đốc, phó giám đốc, trưởng, phó các cơ quan, đơn vị: Công an tỉnh, Quân sự tỉnh, Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh; trưởng cơ quan công an, quân sự cấp huyện, thành phố.

- Trưởng các cơ quan, đơn vị: Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Cục Quản lý thị trường, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hoàng Liên Sơn, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Trưởng các cơ quan, đơn vị: Viễn thông Tuyên Quang, Bưu điện tỉnh Tuyên Quang, Công ty Điện lực Tuyên Quang và các cơ quan, đơn vị khác thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh là đảng viên sinh hoạt tại các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo thực hiện chế độ chính sách *(theo quy định của Đảng và Nhà nước)* đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 *(cán bộ lão thành cách mạng)* và người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa Tháng tám năm 1945 *(cán bộ tiền khởi nghĩa)*.

4. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giới thiệu nhân sự tham gia đại biểu Quốc hội và thực hiện chế độ chính sách *(theo quy định của Đảng và Nhà nước)* đối với Đại biểu Quốc hội đương nhiệm ở địa phương.

II. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền Thường trực Tỉnh ủy giải quyết một số nội dung sau *(các nội dung khác phân cấp cho cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ quyết định)*:

1. Chỉ định, giới thiệu bầu cử, bổ sung đối với:

- Ủy viên Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh thuộc thẩm quyền.

- Ủy viên ban cán sự đảng các cơ quan cấp tỉnh.

- Ủy viên Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ: Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh; Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Trưởng các tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh.

2. Cho ý kiến việc điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ

chức vụ lãnh đạo, từ chức, thôi việc đối với:

- Phó hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng của tỉnh.
- Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; chi cục trưởng, giám đốc trung tâm tuyên tỉnh thuộc Sở Y tế.
- Giám đốc, phó giám đốc bệnh viện tuyến tỉnh.
- Chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch công ty, chủ tịch hội đồng thành viên, giám đốc, người đại diện phần vốn nhà nước các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- Giám đốc, trưởng ban (*hoặc tương đương*) các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; Phó Giám đốc Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh; Phó Giám đốc Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài; Giám đốc Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Tuyên Quang.

3. Tham gia ý kiến về đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, miễn nhiệm, đánh giá, quy hoạch, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, biệt phái, cho chuyển công tác đối với:

- Cấp phó các cơ quan, đơn vị: Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Cục Quản lý thị trường, Cục Dự trữ Nhà nước khu vực Hoàng Liên Sơn, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

- Phó giám đốc các doanh nghiệp: Viễn thông Tuyên Quang, Bưu điện tỉnh Tuyên Quang, Công ty Điện lực Tuyên Quang, các cơ quan, đơn vị khác thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh là đảng viên sinh hoạt tại các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và giám đốc, phó giám đốc các doanh nghiệp nhà nước Trung ương còn lại đóng trên địa bàn của tỉnh (*trừ các doanh nghiệp đã quy định tại Mục 2, Phần I, Phụ lục I kèm theo Quy định này*).

- Cho ý kiến về đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, miễn nhiệm trưởng các cơ quan, đơn vị cấp huyện gồm: Viện kiểm sát nhân dân, toà án nhân dân huyện, thành phố (trừ những chức danh hoặc những khâu công tác cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định).

4. Cho ý kiến việc điều động, chuyển công tác đối với: Cán bộ, công chức có trình độ tiến sỹ; bác sỹ chuyên khoa cấp II và dược sỹ chuyên khoa cấp II, chuyên viên cao cấp và tương đương trở lên.

5. Cho ý kiến đề cấp có thẩm quyền cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý. Quyết định cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng đối với: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*công tác tại khối*

Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh); trưởng, phó các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy (*chuyên trách*); bí thư, phó bí thư huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

6. Chuyển xếp lương, nâng bậc lương thường xuyên (*kể cả nâng bậc lương trước thời hạn*), phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, xếp phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp kiêm nhiệm chức vụ lãnh đạo và các chế độ phụ cấp khác đối với: Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*công tác tại khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh*); trưởng, phó các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy (*chuyên trách*); bí thư, phó bí thư huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; chuyên viên cao cấp và tương đương các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

7. Thông báo nghỉ hưu đối với Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy; thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu đối với Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trưởng, phó các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy (*chuyên trách*); bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ huyện ủy, thành ủy (*công tác tại các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện*); Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; chuyên viên cao cấp và tương đương các cơ quan khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

8. Bổ nhiệm ngạch, nâng ngạch chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và tương đương trở lên đối với cán bộ, công chức, viên chức đang công tác ở các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh, huyện ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

9. Nhận xét, đánh giá và xếp loại chất lượng cán bộ đối với cấp phó các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (*không là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*); Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh; Phó Tổng Biên tập Báo Tuyên Quang.

III. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

Trực tiếp quản lý và quyết định đối với:

1. Trưởng, phó phòng và tương đương thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; cán bộ, công chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở lên đang công tác ở cơ quan Hội đồng nhân dân tỉnh (*trừ các chức danh do cấp có thẩm quyền khác quyết định*).

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (*trừ những chức danh hoặc những khâu*

công tác cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và quyết định).

3. Các chức danh còn lại Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp theo thẩm quyền.

IV. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh

Trực tiếp quản lý và quyết định đối với:

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện, thành phố. Chủ tịch hội đồng nhân dân huyện, thành phố (*không phải là bí thư, phó bí thư cấp ủy*); phó chủ tịch hội đồng nhân dân huyện, thành phố.

3. Giám đốc, phó giám đốc bệnh viện tuyến tỉnh; giám đốc trung tâm tuyến tỉnh thuộc Sở Y tế; chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng thuộc tỉnh; chủ tịch hội đồng quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; chủ tịch hội đồng quản lý bệnh viện tuyến tỉnh.

4. Chi cục trưởng, trưởng ban thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

5. Chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, phó giám đốc, người đại diện phần vốn nhà nước các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; phó giám đốc, phó trưởng ban (*hoặc tương đương*) các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; Phó Giám đốc Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh; Phó Giám đốc Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài; Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Tuyên Quang.

6. Trưởng, phó các tổ chức xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh.

7. Các chức danh còn lại, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp theo thẩm quyền.

V. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Trực tiếp quản lý và quyết định đối với: Trưởng, phó các phòng, ban và tương đương thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức từ ngạch chuyên viên chính và tương đương trở xuống đang công tác thuộc cơ quan, đơn vị (*trừ những chức danh hoặc những khâu công tác cán bộ do cấp trên quản lý và quyết định*).

VI. Ban cán sự đảng các cơ quan cấp tỉnh

Trực tiếp quản lý và quyết định đối với: Các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng, ban và tương đương thuộc ngành; cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị (*trừ những chức danh hoặc những khâu công tác cán bộ do cấp trên quản lý và quyết định*).

VII. Các cơ quan cấp tỉnh không thành lập đảng đoàn, ban cán sự đảng (gồm cả các cơ quan thuộc khối Đảng tỉnh)

Đồng chí đảng viên là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm cùng với tập thể cấp ủy và tập thể lãnh đạo cơ quan trực tiếp quản lý và quyết định đối với: Trưởng, phó phòng, ban và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành; cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị (*trừ những chức danh hoặc những khâu công tác cán bộ do cấp trên quản lý và quyết định*).

VIII. Ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy

1. Trực tiếp quản lý và quyết định đối với diện cán bộ sau (*trừ những chức danh hoặc những khâu công tác cán bộ do cấp trên quản lý và quyết định*):

- Ủy viên ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố; trưởng, phó ban và tương đương của huyện ủy, thành ủy; ủy viên ủy ban kiểm tra huyện ủy, thành ủy.

- Trưởng, phó ban, đại biểu hội đồng nhân dân huyện, thành phố đương nhiệm.

- Ủy viên ủy ban nhân dân huyện, thành phố; trưởng, phó các phòng chuyên môn và tương đương thuộc ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

- Chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, thành phố; bí thư, phó bí thư huyện đoàn, thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính và tương đương đang công tác trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở huyện, thành phố.

- Bí thư, phó bí thư, đảng ủy viên, chi ủy viên các đảng bộ, chi bộ cơ sở.

- Chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của xã, phường, thị trấn.

2. Các chức danh cán bộ còn lại ban thường vụ huyện ủy, thành ủy quy định việc phân cấp quản lý theo thẩm quyền.

3. Ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy phối hợp với các cơ quan ngành dọc cấp trên quản lý đối với trưởng, phó cơ quan ngành dọc cấp trên đang công tác trên địa bàn huyện, thành phố.

IX. Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh, Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh và Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh.

1. Ban Thường vụ Đảng ủy Công an tỉnh, Quân sự tỉnh quản lý cán bộ, chiến sỹ trong lực lượng theo quy định của cơ quan ngành dọc cấp trên và quy định phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh; các chức danh ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy; bí thư, phó bí thư, đảng ủy viên, chi ủy viên các đảng bộ, chi bộ cơ sở (*trừ những chức danh hoặc những khâu công tác cán bộ do cấp trên quản lý và quyết định*).

2. Ban Thường vụ Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh quản lý và quyết định đối với ủy viên ban chấp hành đảng bộ, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; trưởng, phó ban và tương đương; cán bộ chuyên trách trong cơ quan của đảng ủy, công đoàn, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; bí thư, phó bí thư, đảng ủy viên, chi ủy viên các đảng bộ, chi bộ cơ sở (*trừ những chức danh hoặc những khâu công tác cán bộ do cấp trên quản lý và quyết định*).

Phụ lục II

THÀNH PHẦN THAM DỰ Ở CÁC BƯỚC TRONG QUY TRÌNH BỘ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ CÁC CHỨC DANH DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢN LÝ ĐỐI VỚI NGUỒN NHÂN SỰ TẠI CHỖ

(Kèm theo Quy định số 45-QĐ/TU ngày 15/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Bước 1

- Ở Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là bí thư và tập thể ban thường vụ.

- Ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là người đứng đầu và tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, ban thường vụ đảng ủy, ban chấp hành chi bộ, đảng bộ (nơi không có ban thường vụ).

2. Bước 2

- Ở Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành.

- Ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là tập thể lãnh đạo mở rộng gồm: Đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, ban thường vụ đảng ủy, ban chấp hành chi bộ, đảng bộ (nơi không có ban thường vụ), trưởng phòng và tương đương trở lên của các đơn vị thuộc và trực thuộc.

- Đối với tổ chức bầu cử là hội nghị ban chấp hành.

- Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phần tham dự hội nghị như các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

3. Bước 3

- Ở Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là bí thư và tập thể ban thường vụ.

- Ở cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là người đứng đầu và tập thể đảng đoàn, ban cán sự đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, ban thường vụ đảng ủy, ban chấp hành chi bộ, đảng bộ (nơi không có ban thường vụ).

4. Bước 4

- Ở cấp tỉnh: Các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm cả các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn và sinh hoạt đảng tại địa phương); Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, Bí thư Tỉnh đoàn; bí thư các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

- Ở cấp huyện, thành phố: Các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ huyện, thành phố, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân huyện, thành phố; trưởng các phòng, ban, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị trực thuộc huyện (*bao gồm cả các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn và sinh hoạt đảng tại địa phương*); bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; bí thư chi bộ, đảng bộ cơ sở.

- Ở đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của đảng ủy khối; bí thư chi bộ, đảng bộ trực thuộc.

- Ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh (*có đơn vị trực thuộc*): Các đồng chí lãnh đạo cơ quan; trưởng, phó phòng, ban và tương đương; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc; ban chấp hành chi bộ, thường vụ đảng ủy cơ quan (*ban chấp hành đảng bộ nơi không có ban thường vụ*), đại diện công đoàn, đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, hội cựu chiến binh (*nếu có*) của cơ quan sở, ban, ngành.

Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có dưới 30 người hoặc không có tổ chức cấu thành, thành phần tham dự gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Lấy ý kiến trong Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, ban chấp hành tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; trưởng, phó các ban của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh không phải là ủy viên ban chấp hành.

- Các doanh nghiệp nhà nước: Lấy ý kiến của cấp ủy, trưởng, phó phòng, ban và tương đương trở lên, trưởng các đơn vị trực thuộc; người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ; đại diện công đoàn, đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, hội cựu chiến binh (*nếu có*) của doanh nghiệp.

5. Bước 5

- Ở Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là ban chấp hành.

- Ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, ban thường vụ đảng ủy, ban chấp hành chi bộ, đảng bộ (*nơi không có ban thường vụ*).

Phụ lục III**DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ BỔ NHIỆM, GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ**
(Kèm theo Quy định số 45-QĐ/TU ngày 15/11/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình; Biên bản hội nghị; Bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu và Biên bản kiểm phiếu ở các bước.

2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

3. Bản tự kiểm điểm 03 năm công tác gần nhất đối với bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và Bản tự kiểm điểm 05 năm công tác gần nhất đối với bổ nhiệm lại.

4. Đánh giá, nhận xét 3 năm (*đối với bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử*) và 5 năm (*đối với bổ nhiệm lại*) gần nhất của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (*nếu có*). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.

5. Đánh giá, nhận xét của chi bộ, đảng ủy cơ quan nơi công tác.

6. Nhận xét của cấp ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.

7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (*có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định*).

9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (*có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền*). Quyết định tuyển dụng hoặc văn bản thể hiện đã tuyển dụng.

10. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp.

* Lưu ý: Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5, 6, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét.
